

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ K
TỈNH LONG AN**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 25-01-2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ.
2. Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2017/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2017 và thụ lý bổ sung số 81a/2017/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D (tên thường gọi là K), sinh năm 1973, có mặt.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Lý Thị Hồng G, sinh năm 1992, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Tô Thanh H, sinh năm 1973, vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã B, thị xã K, tỉnh Long An.

NỘI D VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2017 và các bản tự khai ngày 06 tháng 10 năm 2017, ngày 02 tháng 01 năm 2018 – Bà Nguyễn Thị D trình

bày: Bà Lý Thị Hồng G còn độc thân, không có chung sống với ai khác như vợ như chồng. Vào ngày 12 tháng 4 năm 2017, bà D đã cho bà G vay một lần số tiền 20.000.000 đồng. Mục đích bà G vay tiền của bà D để làm ăn. Bà D đã giao đủ cho bà G số tiền 20.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thời hạn trả nợ gốc, lãi là 01 tháng. Tuy nhiên, hết thời hạn 01 tháng thì bà G hứa hẹn hoàn mà không trả nợ cho bà D được khoản tiền gốc, lãi nào. Khi bà D giao 20.000.000 đồng cho bà G thì bà G có viết biên nhận và bà G tự tay ký vào biên nhận ngày 12 tháng 4 năm 2017. Từ khi vay đến nay, bà G chưa trả cho bà D được khoản tiền gốc, lãi nào. Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 0,75%/tháng của số tiền gốc 20.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 11 năm 2017 – Ông Tô Thanh H trình bày: Số tiền 20.000.000 đồng trong vụ án này là tài sản chung của ông H với bà Nguyễn Thị D. Ông H đồng ý để cho bà D đứng ra khởi kiện bà G vì ông H bận đi làm ăn xa. Ông H đề nghị cho ông H được vắng mặt trong các phiên hòa giải, xét xử tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ba lần ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã tổng đạt hợp lệ cho bà G nhưng bà G không đến tham dự các phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà G cũng không gửi văn bản nêu ý kiến về việc bà D khởi kiện yêu cầu bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà D. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu: Bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 12 tháng 4 năm 2017 đến ngày 25 tháng 01 năm 2018 với mức lãi suất là 0,75 %/tháng là 20.000.000 đồng x 0,75 %/tháng x 09 tháng 13 ngày (283 ngày)= 1.415.000 đồng; tổng cộng gốc, lãi là 21.415.000 đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Khi vay, bà G không cầm cố, thế chấp tài sản gì cho bà D.

Tại phiên tòa, bà G vắng mặt không có lý do, ông H vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Trong quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự thủ tục tố tụng quy định như việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng theo các Điều 48, 49, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng, việc gửi hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng pháp luật, trong xét xử đảm bảo cho các bên thực hiện quyền tranh luận và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, về nội dung vụ việc: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa thì có cơ sở xác

định yêu cầu khởi kiện của bà D là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc, lãi tổng cộng là 21.415.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, bị đơn là bà G có địa chỉ tại ấp G, xã B, thị xã K, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà D khởi kiện yêu cầu bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc, lãi tổng cộng là 21.415.000 đồng là có chứng cứ chứng minh thể hiện qua biên nhận ngày 12 tháng 4 năm 2017 do bà G ký nhận nợ. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã K và yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc, lãi tổng cộng 21.415.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của ông H, bà G tại phiên tòa: Ông H, bà G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập phiên tòa, nhưng bà G vẫn vắng mặt không có lý do, ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà G là phù hợp theo các Điều 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà G phải có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 21.415.000 đồng nộp sung ngân sách nhà nước; bà D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 177, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 3, 6, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, buộc bà Lý Thị Hồng G phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 21.415.000 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

2.1 Án phí của vụ án là 1.071.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng). Buộc bà Lý Thị Hồng G phải có nghĩa vụ chịu 1.071.000 đồng (một triệu không trăm bảy mươi một nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

2.2 Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị D 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0006540 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Tô Thanh H, bà Lý Thị Hồng G được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Kim Diệu

